

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p>Chủ đầu tư: Công ty Điện lực Hải Phòng - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc. Đại diện là Ông: Nguyễn Hữu Hưởng Chức vụ: Giám đốc Địa chỉ: Số 9 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam. Tài khoản: 3207216868 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Hải Phòng Mã số thuế: 0100100417-069 Điện thoại: 02253515390</p>
E-ĐKC 1.7	Công trình: Cải tạo lưới điện 110kV năm 2025
E-ĐKC 1.10	Địa điểm: Khu vực phía Tây, Thành phố Hải Phòng.
E-ĐKC 1.16	Ngày hoàn thành là: 90 ngày kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.17	Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 90 ngày kể từ ngày khởi công công trình
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Theo thông báo khởi công của chủ đầu tư.
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu</i>].
E-ĐKC 1.29	<p>- Tư vấn quản lý dự án: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn quản lý dự án nếu có</i>];</p> <p>- Tư vấn giám sát là: ___ [<i>ghi tên, địa chỉ, điện thoại, fax, email của Tư vấn giám sát</i>];</p> <p>...</p>
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: ___ [<i>Chủ đầu tư điền</i>]
E-ĐKC 2.3(i)	- Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; - E-HSDT và các văn bản làm rõ E-HSDT của nhà thầu trúng thầu; - E-HSMT và các tài liệu sửa đổi E-HSMT; - Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 10% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả Công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hạn (trong vòng 150 ngày kể từ ngày phát hành) và Bên nhận thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm 28 ngày trước ngày hết hạn, Bên nhận thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: <ul style="list-style-type: none"> + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng; + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích. <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp</p>

	<p>cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.</p> <p>Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm ____ [ghi số ngày cụ thể nhà thầu sẽ phải thực hiện gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng, thông thường là 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện của nhà thầu hết hiệu lực] ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.</p>
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ tự động hết hiệu lực sau 28 ngày kể từ ngày công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và Chủ đầu tư nhận được bản gốc Bảo lãnh bảo hành trị giá 5% giá trị hợp đồng cuối cùng.</p> <p>- Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 (%) Giá trị hợp đồng cuối cùng.</p>
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>

E-ĐKC 8.8(a)	Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 05 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường
E-ĐKC 8.11	Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 01 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.
E-ĐKC 9.3	Nhà tư vấn đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: _____ [<i>ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT</i>].
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: _____ giá hợp đồng [<i>Hệ thống trích xuất theo Mục 27.3 E-CDNT</i>].
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ _____ [<i>ghi yêu cầu khác về nhà thầu phụ (nếu có)</i>].
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm: Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm hàng hoá vận chuyển, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu.</p> <p>+ Đối với VTTB cung cấp, lắp đặt cho công trình: Nhà thầu phải chịu trách nhiệm mua bảo hiểm vận chuyển tới chân công trình.</p>
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 18 tháng kể từ ngày nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: Khu vực phía Tây, Thành phố Hải Phòng.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: Ngay sau khi hợp đồng có hiệu lực.

E-ĐKC 27.2	<p>Thời gian để tiến hành hòa giải: 30 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp hoặc một khoảng thời gian khác do hai bên tự thoả thuận kể từ khi tranh chấp phát sinh.</p> <p>Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng hoà giải trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh tranh chấp (hoặc một thời gian khác do 2 bên thoả thuận vào khi tranh chấp phát sinh) tranh chấp sẽ được giải quyết thông qua Toà án nhân dân khu vực 3 – Hải Phòng.</p> <p>Quyết định của Toà án được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả 2 bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu án phí.</p> <p>Thời hiệu khởi kiện theo thủ tục trọng tài hoặc thời hiệu khởi kiện lên Tòa án giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật.</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<p>- Ngày khởi công: _____ [<i>ghi ngày dự định khởi công</i>].</p> <p>- Ngày hoàn thành dự kiến: _____ [<i>ghi ngày hoàn thành dự kiến</i>].</p>
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 10 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<p>- Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 30 ngày/ 1 lần</p> <p>- Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật: 200.000.000 VNĐ (<i>tính bằng 3% giá trị gói thầu được duyệt</i>).</p>
E-ĐKC 30.7	Các trường hợp khác: Áp dụng theo các quy định hiện hành của nhà nước.
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	<p>1. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa trước khi giao hàng và nhận hàng như sau:</p> <p>(a) Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa tại xưởng trước khi giao hàng như quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật. Việc chủ</p>

đầu tư tham gia chứng kiến thử nghiệm tại nhà máy sản xuất (nếu có) sẽ không miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm mà nhà thầu phải thực hiện theo quy định tại hợp đồng.

(b) Trong quá trình nghiệm thu, nếu kết quả thử nghiệm hàng hóa được cung cấp không đáp ứng yêu cầu quy định trong Tiêu chuẩn kỹ thuật, Chủ đầu tư có thể từ chối toàn bộ các hạng mục hàng hóa và Nhà thầu phải thay thế miễn phí các hàng hóa bị từ chối hoặc thực hiện miễn phí các thay thế cần thiết để đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn. Trong trường hợp sai khác hoặc không phù hợp, Nhà thầu phải chịu trách nhiệm cung cấp, thay thế các hàng hóa lỗi trong vòng 08 tuần sau khi nhận được thông báo từ Chủ đầu tư trên cơ sở địa điểm giao hàng, bao gồm thuế nhập khẩu, phí bốc dỡ chậm, phí kiểm tra và thử nghiệm và các chi phí liên quan cho việc thay thế, đổi hàng, chi phí do Nhà thầu chịu. Chủ đầu tư sẽ trả lại các hàng hóa không phù hợp theo yêu cầu của nhà cung cấp và chi phí do Nhà thầu chịu trên cơ sở giá giao tại chân công trình.

(c) Hàng hóa được cung cấp trong nước Việt Nam sẽ được kiểm tra bởi Công ty giám định độc lập, có đủ năng lực và kinh nghiệm được Chủ đầu tư chấp thuận. Số lượng hàng mẫu và kích cỡ hàng mẫu phải theo quy định tại văn bản số 5539/EVNNPC-KT, văn bản số 3029/EVNNPC-KT ngày 09/06/2021 và các văn bản hiện hành của NPC; mẫu để kiểm tra sẽ được thực hiện tại kho trước sự chứng kiến của Chủ đầu tư và Nhà thầu. Tất cả các chi phí liên quan tới việc kiểm tra trên sẽ do Nhà thầu chịu.

Chủ đầu tư phải nhận được thông báo về thời gian lấy mẫu ít nhất là 01 tuần trước khi lấy mẫu.

Kết luận kiểm tra của Công ty giám định độc lập sẽ dựa trên những đặc tính kỹ thuật được đảm bảo bởi Nhà thầu. Nếu kết quả thử nghiệm là không đáp ứng, Chủ đầu tư có thể từ chối toàn bộ các hạng mục/lô hàng hóa, và Nhà thầu phải thay thế toàn bộ các hàng hóa bị từ chối hoặc thực hiện sự thay thế cần thiết để đáp ứng các yêu cầu tiêu chuẩn và chi phí do Nhà thầu chịu.

(d) Sau khi hàng đến công trình, hàng hóa sẽ được kiểm tra bởi một Công ty giám định độc lập về số lượng, chất lượng và tình trạng các kiện hàng, nếu Chủ đầu tư yêu cầu. Báo cáo của Công ty giám định độc lập sẽ được sử dụng cho mục đích đòi bồi thường, nếu có, đối với công ty Bảo hiểm, công ty vận

chuyển, và/hoặc Nhà thầu. Tất cả các chi phí liên quan tới việc kiểm tra trên sẽ do Chủ đầu tư chịu trừ khi là lỗi của Nhà thầu. Đòi bồi thường, nếu có, sẽ được thực hiện thông qua telex, fax gửi tới Nhà thầu và khẳng định bằng thư điện tử kèm theo các tài liệu hỗ trợ không muộn hơn 30 ngày sau khi dỡ hàng hóa tại công trình. Khi việc đòi bồi thường được chứng minh là trách nhiệm thuộc về Nhà thầu, Nhà thầu sẽ phải thông báo cho Chủ đầu tư kết quả trong vòng 15 ngày sau khi nhận thông báo đòi bồi thường chính thức của Chủ đầu tư. Đối với các hàng hoá nhận được không phù hợp với những quy định của hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và/hoặc nhà thầu sẽ có trách nhiệm cung cấp miễn phí hàng hoá khác cùng với các thủ tục cần thiết để thay thế những hàng hoá không phù hợp đó, trong vòng 2 tháng sau khi nhận được khiếu nại/thông báo đòi bồi thường của chủ đầu tư. Chủ đầu tư sẽ hoàn trả lại số hàng hoá không phù hợp đó theo yêu cầu và bằng chi phí của nhà thầu.

Trong trường hợp nhà thầu không cung cấp hàng hóa thay thế theo quy định nêu trên thì chủ đầu tư có quyền mua hàng của đơn vị khác để thay thế theo đúng loại hàng hoá ghi trong hợp đồng và nhà thầu phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.

2. Về việc bàn giao hàng hóa: Bên B sẽ thông báo cho Bên A ngày giao hàng của mỗi chuyến tại địa điểm giao hàng không muộn hơn 05 ngày trước ngày giao hàng và gửi các tài liệu sau đây cho Bên A (01 bộ gốc/sao công chứng và 04 bộ sao):

- Hóa đơn chiếu lệ được ký bởi Nhà thầu trong đó mô tả, quy cách, số lượng, đơn giá, thuế GTGT và tổng giá;
- Bảng kê đóng gói hàng hóa;
- Vận đơn: 01 bản sao công chứng và 04 bản sao (đối với hàng hóa được cung cấp từ nước ngoài);
- Chứng nhận xuất xứ hàng hóa do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất xứ ban hành: 01 bản sao công chứng và 04 bản sao (đối với hàng hóa có xuất xứ nước ngoài);
- Báo cáo thử nghiệm xuất xưởng được ban hành bởi Nhà sản xuất: 01 bản gốc và 04 bản sao (kèm theo số series);
- Chứng nhận bảo hành của Nhà sản xuất hoặc Nhà

cung cấp: 01 bản gốc và 04 bản sao;

Biên bản kiểm tra chất lượng hàng hóa được thực hiện bởi đơn vị thí nghiệm độc lập (đối với dây dẫn các loại, cáp trung thế các loại, cáp điều khiển, cách điện và phụ kiện các loại...): số lượng mẫu thử nghiệm theo các văn bản 5539/EVNNPC-KT ngày 31/12/2015, 1424/EVNNPC-KT+VT ngày 17/4/2018, 4048/EVNNPC-KT ngày 16/9/2019, 3003/EVNNPC-KT ngày 16/6/2020, 3029/EVNNPC-KT ngày 09/6/2021 và văn bản số 5313/EVNNPC-KT ngày 27/9/2021 về việc áp dụng tiêu chuẩn cơ sở do EVN ban hành.

- Cataloge và các tài liệu hướng dẫn bảo hành, bảo trì của nhà cung cấp hoặc nhà sản xuất.

- Đối với Cột thép cung cấp biên bản lấy mẫu và kết quả thử nghiệm thép đầu vào để sản xuất cột của đơn vị giám định độc lập phục vụ quá trình nghiệm thu lắp ráp cột mẫu.

(Các chi phí về công tác thí nghiệm mẫu, lắp đặt cột thép mẫu nêu trên đã bao gồm trong giá hợp đồng)

- Đối với phụ kiện đầu cốt, kẹp cựa: Yêu cầu tuân thủ công tác thử nghiệm mẫu theo văn bản 3003/EVNNPC-KT ngày 16/6/2020

Các chi phí thí nghiệm kể trên đã bao gồm trong đơn giá của hợp đồng.

- Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm về bất kỳ chi phí nào phát sinh nếu chủ đầu tư không nhận được các thông tin và tài liệu chứng từ nói trên trong thời gian quy định làm ảnh hưởng đến tiến độ giao hàng và lắp đặt của nhà thầu.

- Vật tư phục vụ cho công tác thi công lắp đặt mà Bên B cung cấp theo hợp đồng phải có nguồn gốc xuất xứ theo đúng quy định đã nêu tại Bảng thông số kỹ thuật và Bảng giá hợp đồng kèm theo.

2. Hồ sơ trình duyệt thiết bị:

Trong thời gian 15 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu phải nộp cho chủ đầu tư các bản vẽ thiết kế, đấu nối & các tài liệu về đặc tính kỹ thuật của hàng hóa để Chủ đầu tư xem xét và phê duyệt hồ sơ thiết bị. Hồ sơ trình duyệt gồm 04 bộ

- **Tài liệu kỹ thuật:**

- + Trong quá trình thiết kế, Nhà thầu phải nộp cho Chủ đầu tư các bản vẽ và các đặc tính kỹ thuật của hàng hoá để Chủ đầu

	<p>tư xem xét.</p> <p>+ Nhà thầu phải cung cấp cho Chủ đầu tư 4 bản sao các bản vẽ, các tài liệu liên quan đến các bản vẽ và công việc thiết kế cho Chủ đầu tư, trong đó ghi rõ “Bản vẽ để xem xét” trong vòng 02 tuần sau ngày hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>+ Không quá 2 tuần sau khi nhận được các bản vẽ và các tài liệu kỹ thuật liên quan nói trên, Chủ đầu tư sẽ gửi lại Nhà thầu một bản sao trong đó ghi rõ những sửa đổi của Chủ đầu tư, nếu có.</p> <p>+ Các bản vẽ được gửi lại Nhà thầu có ghi rõ “Gửi lại để hiệu chỉnh” sẽ được Nhà thầu hiệu chỉnh và gửi cho Chủ đầu tư để xem xét thêm. Nếu Nhà thầu chấp nhận các sửa đổi trong bản vẽ “Gửi lại để hiệu chỉnh”, họ có thể tiếp tục sản xuất các hàng hoá đó.</p> <p>+ Trong vòng 2 tuần kể từ khi nộp bản vẽ mà Nhà thầu không nhận được trả lời của Chủ đầu tư, bản vẽ đó coi như đã được Chủ đầu tư xem xét.</p> <p>+ Việc xem xét các bản vẽ của Chủ đầu tư không làm giảm trách nhiệm hợp đồng của Nhà thầu, đặc biệt là về chất lượng và tiến độ giao hàng.</p> <p>+ Trước khi giao hàng lên phương tiện vận chuyển, Nhà thầu sẽ nộp cho Chủ đầu tư 6 bản sao các tài liệu Chỉ dẫn lắp đặt, vận hành và bảo dưỡng như sau:</p> <p>05 bản sao sẽ được gửi bằng đường phát chuyển nhanh 1 tháng trước ngày giao hàng;</p> <p>01 bản sao sẽ được gửi cùng với hàng hoá, được đóng gói sao cho đáp ứng yêu cầu vận tải.</p> <p>+ Trước thời điểm nghiệm thu hàng hóa 30 ngày, nhà thầu sẽ nộp cho Chủ đầu tư các quy trình bảo trì thiết bị đủ điều kiện để phê duyệt</p>
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định
E-ĐKC 41.1	<p>Giá hợp đồng: <i>Cố định trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng</i></p> <p><i>Trường hợp hợp đồng có quy định về trượt giá thì chọn phương pháp bù trừ trực tiếp hoặc phương pháp điều chỉnh bằng công thức điều chỉnh trên cơ sở áp dụng chỉ số giá. Phương pháp điều chỉnh giá được thực hiện theo quy định của</i></p>

	<p><i>pháp luật về xây dựng và quy định rõ trong hợp đồng.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp áp dụng loại hợp đồng theo kết quả đầu ra: <i>Chủ đầu tư đưa ra các nội dung để xác định giá trị thanh toán trên cơ sở kết quả đầu ra như sau:</i> <ul style="list-style-type: none"> + <i>Yêu cầu về chất lượng đầu ra và mức độ chất lượng có thể chấp nhận được;</i> + <i>Biện pháp kiểm tra, đánh giá, xác định mức độ đáp ứng về chất lượng của dịch vụ do nhà thầu cung cấp (ví dụ lấy mẫu phân tích);</i> + <i>Mức độ giảm trừ thanh toán hoặc tăng giá trị thanh toán theo kỳ thanh toán;</i> + <i>Các nội dung cần thiết khác.</i>
<p>E-ĐKC 42.1</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng trước thuế - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VND). - Hình thức thanh toán: Chuyên khoản - Bảo lãnh tạm ứng hợp đồng (bảo lãnh trả trước) được ghi bằng đồng tiền của hợp đồng và phải do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp và có uy tín tại Việt Nam hoặc một Ngân hàng nước ngoài (được Chủ đầu tư chấp nhận) phát hành, theo mẫu đã quy định trong Hợp đồng. + Bảo lãnh trả trước có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng và là Bảo lãnh không hủy ngang, theo yêu cầu của Chủ đầu tư, đồng ý vô điều kiện, không yêu cầu nhà thầu phải xem xét trước, độc lập chi trả cho Chủ đầu tư và phải có hiệu lực đến khi Chủ đầu tư thu hồi hết tiền tạm ứng. + Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định. - Nguyên tắc để tạm ứng cho Nhà thầu: Chủ đầu tư tiến hành tạm ứng cho Nhà thầu sau khi bàn giao một phần hoặc toàn bộ mặt bằng thi công xây dựng cho nhà thầu. - Tiền tạm ứng sẽ được ứng cho Nhà thầu trong vòng 30 ngày

	<p>khi Chủ đầu tư nhận được các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công văn đề nghị tạm ứng của Nhà thầu; + Bảo đảm thực hiện hợp đồng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của ngân hàng phát hành. + Bảo lãnh tạm ứng có giá trị tương ứng số tiền tạm ứng: 01 bản gốc và 05 bản sao y của Ngân hàng phát hành; + Chứng nhận bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu: 01 bộ gốc và 03 bộ sao của đơn vị phát hành. <p>- Hoàn trả tiền tạm ứng: Tiền tạm ứng sẽ được hoàn trả bằng cách khấu trừ đi số tiền theo tỷ lệ nhất định trong các khoản thanh toán khối lượng hoàn thành của Nhà thầu theo từng giai đoạn và thu hồi hết giá trị tạm ứng khi khối lượng thanh toán nghiệm thu gói thầu đạt đến 80 % giá trị hợp đồng.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>1. Phương thức thanh toán:</p> <p>Việc thanh toán cho Nhà thầu theo hợp đồng sẽ được thực hiện theo các điều khoản và phương pháp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồng tiền thanh toán: Đồng Việt Nam (VNĐ). - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. <p>* Thanh toán khi hoàn thành bàn giao hàng hóa: 90% (Bao gồm thu hồi tiền tạm ứng tương ứng) giá trị hàng hóa được nghiệm thu (trước thuế) và 100% thuế VAT theo hợp đồng sẽ được thanh toán trong vòng 60 ngày đối với giá trị hàng hóa được nghiệm thu và 180 ngày đối với tiền thuế VAT sau khi Nhà thầu hoàn thành bàn giao hàng hóa trên cơ sở nghiệm thu hàng hóa, thiết bị trước khi lắp đặt và xuất trình các chứng từ sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thư yêu cầu thanh toán: 06 bản gốc + Hóa đơn VAT hợp lệ: 01 bản chuyển đổi và 05 bản sao.

	<p>+ Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo PL03a nghị định 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021</p> <p>+ Chứng chỉ chất lượng, số lượng của Nhà sản xuất (C/Q) sao chứng thực (đối với hàng hóa nhập khẩu).</p> <p>+ Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất cấp (C/O).</p> <p>+ Vận đơn (đối với hàng được cung cấp từ nước ngoài): 06 bản sao chứng thực.</p> <p>+ Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị tại chân công trình có ký và đóng dấu xác nhận chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, chất lượng, tình trạng vật tư thiết bị theo quy định của Hợp đồng: 06 bản gốc;</p> <p>+ Chứng nhận bảo hiểm hàng hóa trong quá trình vận chuyển VTTB: 01 gốc và 05 bản sao.</p> <p>+ Các hồ sơ tài liệu giao hàng liên quan.</p> <p>* Thanh toán khi hoàn thành phần lắp đặt:</p> <p>- Bên A sẽ thanh toán cho bên B 90% giá trị khối lượng hoàn thành giai đoạn trước thuế (bao gồm cả thu hồi tạm ứng) trong vòng 60 ngày và 100% thuế VAT trong vòng 6 tháng theo giai đoạn thanh toán trên cơ sở đơn giá hợp đồng và khối lượng nghiệm thu của từng giai đoạn thanh toán sau khi Nhà thầu hoàn thành các hạng mục công việc của hợp đồng và cung cấp đủ các tài liệu sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Công văn đề nghị thanh toán: + Hóa đơn GTGT hợp lệ: + Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo phụ lục PL03a Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021. + Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành giai đoạn có đại diện Bên A và đại diện bên B ký và đóng dấu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng): + Các hồ sơ pháp lý liên quan: - Đối với hàng hóa vật tư, thiết bị: + Hồ sơ Chứng chỉ chất lượng, số lượng của hàng hóa (C0/CQ); Chứng chỉ xuất xứ hàng hóa do cơ quan có thẩm quyền của nước sản xuất/nước xuất khẩu cấp (C/O) “đối với hàng nhập khẩu từ nước ngoài”, vận đơn sạch(nếu có); + Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất.
--	---

	<ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu VTTB tại chân công trình, ký và đóng dấu A-B + Biên bản giao nhận VTTB tại chân công trình, ký và đóng dấu A-B. + Các biên bản thử nghiệm và thông báo kết quả thử nghiệm mẫu đối với các vật tư, thiết bị có thực hiện lấy mẫu thử nghiệm; + Các hồ sơ tài liệu giao hàng liên quan. - Đối với phần thi công xây dựng, lắp đặt và các dịch vụ khác: <ul style="list-style-type: none"> + Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị tại chân công trình trước khi đưa và lắp đặt, Biên bản nghiệm thu vật liệu xây dựng, cát san lấp công trường có ký và đóng dấu xác nhận chủng loại, nguồn gốc xuất xứ, số lượng, chất lượng, tình trạng vật tư thiết bị theo quy định của Hợp đồng. + Biên bản thử nghiệm chỉ tiêu cơ lý vật liệu xây dựng. + Hồ sơ chất lượng khác (nếu có) + Nhật ký thi công, bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu nội bộ, biên bản nghiệm thu công việc và hồ sơ pháp lý kèm theo. <p>2. Thanh toán: 10% giá trị còn lại sẽ được thanh toán như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 05 % giá trị nghiệm thu quyết toán được thanh toán cho Nhà thầu sau khi Nhà thầu hoàn thành công tác xây lắp, đóng điện công trình, có hồ sơ quyết toán giá trị và Nhà thầu phát hành Bảo lãnh bảo hành bằng 5% giá trị hợp đồng. + 05 % còn lại được thanh toán cho Nhà thầu sau khi công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán và hai bên thanh lý hợp đồng <p>3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản</p> <p>4. Kế hoạch thanh toán, giải ngân: Nhà thầu phải đăng ký (bằng văn bản) kế hoạch, thời điểm, giá trị giải ngân gửi Chủ đầu tư trước thời điểm đề nghị giải ngân ít nhất 40 ngày. Nếu nhà thầu không đảm bảo kế hoạch giải ngân theo đăng ký thì sẽ chuyển sang thanh toán tại lần giải ngân tiếp theo hoặc tại thời điểm quyết toán dự án.</p>
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng</p>

	hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.
E-ĐKC 46.1	Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: : 10 % <i>[ghi tỷ lệ phần trăm]</i> <i>[số tiền giữ lại thường xấp xỉ 5% và không vượt quá 10% trong mọi trường hợp].</i>
E-ĐKC 47.1(d)	Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Không áp dụng
E-ĐKC 47.7	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0 % giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 49.1	Mức phạt: 1. Đối với VTTB cung cấp cho gói thầu: - Phạt chậm tiến độ: Khi Bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành công tác cung ứng VTTB theo điều khoản về tiến độ thì sẽ bị phạt như sau: Phạt 1% giá trị phần hàng hoá VTTB bị vi phạm cho mỗi tuần, khi nhà thầu chậm đến 5 tuần Bên A sẽ xem xét đình chỉ thực hiện phần việc bị vi phạm này và sẽ ký kết hợp đồng với một nhà thầu khác để thực hiện, chi phí cho việc này sẽ được trừ vào giá trị hợp đồng. - Phạt vi phạm chất lượng: Trong thời gian bảo hành theo hợp đồng nếu hàng hoá, VTTB hư hỏng do không đảm bảo về chất lượng thì nhà thầu có trách nhiệm thay thế theo quy định tại điều khoản của bảo hành. 2. Đối với phân xây dựng: Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ hoàn thành hợp đồng theo tiến độ (Ngoại trừ trường hợp bất khả kháng) thì bên B sẽ bị phạt những khoản tiền như sau: - Phạt 0,5 % giá trị xây lắp bị vi phạm cho mỗi tuần; - Khi bên B chậm đến 8 tuần thì Bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng; - Bên B vi phạm nghĩa vụ nộp tiến độ thi công chi tiết và biện pháp tổ chức thi công thì bị phạt 0,5 % giá trị hợp đồng. Khi bên B chậm đến 2 tuần thì bên A sẽ xem xét đình chỉ hợp đồng và tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

	<p>- Trong trường hợp bên B vi phạm nghĩa vụ đảm bảo chất lượng cho công trình, bên B sẽ chịu mọi chi phí và thực hiện việc sửa chữa theo yêu cầu của bên A để đảm bảo chất lượng và bị phạt 0,5% giá trị phần hợp đồng xây lắp bị vi phạm về chất lượng. Trường hợp do sửa chữa mà phải kéo dài thời gian hoàn thành công trình thì tiếp tục xử lý phạt.</p> <p>3. Trong trường hợp bên B không thực hiện hợp đồng thì sẽ tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng.</p> <p>4. Các trường hợp vi phạm ngoài việc phải chịu phạt như quy định ở trên, nhà thầu còn phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về bồi thường thiệt hại do vi phạm trực tiếp hay gián tiếp gây ra cho Bên A hoặc Bên thứ 3.</p> <p>5. Phạt do chậm nộp hồ sơ quyết toán: Trong trường hợp Nhà thầu chậm trễ trong việc lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành trình Chủ đầu tư thẩm tra, thẩm định phê duyệt thì Chủ đầu tư có quyền xem xét xử phạt nhà thầu vi phạm thời gian chậm nộp hồ sơ quyết toán của nhà thầu. Mức Phạt được quy định phạt 0,1 % giá trị hợp đồng cho mỗi tuần chậm nộp hồ sơ quyết toán. Nhưng tổng số tiền phạt do chậm nộp hồ sơ quyết toán không quá 5% giá trị của Hợp đồng.</p> <p>6. Mọi trường hợp vi phạm trên được hiểu là do lỗi chủ quan của nhà thầu, các trường hợp này sẽ là cơ sở để Bên A xem xét khả năng, năng lực, uy tín của nhà thầu trong việc tham gia thực hiện các gói thầu khác do Bên A quản lý.</p> <p>7. Nếu 03 lần kiểm tra công trình, bên A phát hiện bên B không có đủ nhân lực bộ máy thi công, máy móc, thiết bị thi công, vật tư thiết bị theo tiến độ cam kết trong hợp đồng và biện pháp, tiến độ tổ chức thi công đã được bên A chấp thuận, bên A có quyền đình chỉ hợp đồng, tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bên B còn phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do sự vi phạm gây ra.</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>- Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;</p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thương hợp đồng: Không áp dụng</p>
	<p>E. Kết thúc hợp đồng</p>

E-ĐKC 54	Thời gian bàn giao công trình: 90 ngày kể từ ngày kể từ ngày có thông báo khởi công công trình
E-ĐKC 55.1	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Bên B phải nộp bản vẽ hoàn công cho cả công trình là 15 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình đưa vào sử dụng. Nếu Chủ đầu tư không nhận được hoặc tài liệu không phù hợp Nhà thầu sẽ phải chịu các chi phí phát sinh.
E-ĐKC 55.2	Tổng số tiền giữ lại vì không nộp BVHC vào ngày yêu cầu là 7.000.000 VNĐ cho mỗi ngày chậm trễ (<i>tính bằng 0,1% giá gói thầu cho mỗi ngày chậm</i>)
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.